

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nghiêm Văn Luyến.
2. Ông Phan Quốc Văn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 14/6/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST – HNGĐ ngày 11/4/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th – sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

* Bị đơn: Anh Hoàng Văn D – sinh năm 1988.

Địa chỉ: xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/4/2018 và bản tự khai ngày 16/4/2018 chị Trần Thị Th trình bày.

Sau một thời gian tìm hiểu chị và anh Hoàng Văn D kết hôn ngày 04/7/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh D hay chửi bới, đánh đập vợ. Đến năm 2013 chị Th phải bỏ về nhà mẹ đẻ để ở. Đến tháng 5/2015 anh D bỏ nhà ra đi không hề có liên lạc, tin tức gì cho chị và hai bên gia đình. Chị Th đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không được. Đến tháng 7/2017 chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N tuyên bố anh Hoàng Văn D mất tích. Tòa án nhân dân huyện N đã ra Quyết định số: 03/2018/QĐDS-ST tuyên bố

anh Hoàng Văn D - mất tích, đến nay quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật. Nay chị Th làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung, cháu Hoàng Thị Ng – sinh ngày 12/4/2012 và cháu Hoàng Thị Q – sinh ngày 01/01/2014. Hiện chị Th đang trực tiếp nuôi cả 02 cháu. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con, giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú cuối cùng của anh D. Nhưng anh D không có mặt để giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trần Thị Th và anh Hoàng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do anh D hay chửi bới, đánh đập vợ, không chịu nổi chị Th phải đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ để ở, đến tháng 5/2015 anh D bỏ nhà đi, kể từ đó đến nay chị Th và gia đình đều không biết tin tức gì. Chị Th đã làm đơn ra Tòa án, yêu cầu Tòa án tuyên bố anh D mất tích. Ngày 21/02/2018, Tòa án nhân dân huyện N đã mở phiên họp tuyên bố anh D mất tích. Đến nay Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Chị Th đề nghị ly hôn anh D. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo qui định của pháp luật, nhưng anh D vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc chị Th yêu cầu ly hôn anh. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh D và xử cho chị Th được ly hôn anh Hoàng Văn D là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

+Về con chung: Nghĩ giao cho chị Th được trực tiếp nuôi 02 con và không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con vì anh D mất tích là phù hợp thực tế.

+Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

+Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Th. Cho chị Th được ly hôn anh Hoàng Văn D.

*Về con: Giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Ng – sinh ngày 12/4/2012 và cháu Hoàng Thị Q – sinh ngày 01/01/2014.

*Về án phí: chị Trần Thị Th phải chịu: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002731 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Th đã nộp đủ án phí.

*Án xử công khai sơ thẩm, chị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Hoàng Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện N
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu